

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 16 - 12 - 2022  
“V/v yêu cầu không công nhận vợ chồng”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Khải;
2. Bà H` Thủy Bon Jóc Ju.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nông Thị Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:*** Ông Phan Như Khánh– C/v: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2022 về “Tuyên bố không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn C– Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, Hịện K, tỉnh Đắk Nông.

*Bị đơn:* Bà Lang Thị T - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2022 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:* Ông và bà Lang Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, ông và bà T sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc mâu thuẫn là không còn hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không tin tưởng nhau và không yêu thương chăm sóc nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng, ông không còn tình cảm vợ chồng với bà T nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận ông và Lang Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Giữa ông và Lang Thị T có 02 con chung, là Phạm Quang H, sinh năm 2000 và Phạm Quang H1, sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Lang Thị T trình bày:* Bà và ông Phạm Văn C sống chung từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông C sống chung với nhau trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Về con chung giống như ông Phạm Văn C trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn bà và ông C là không hợp nhau. Trước yêu cầu khởi kiện ông Phạm Văn C, bà đồng ý đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Cháu Phạm Quang H, sinh năm 2000 và cháu Phạm Quang H1, sinh năm 2003 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Các bên đương sự chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Do không có đăng ký kết hôn nên đề nghị HĐXX không công nhận ông Phạm Văn C và bà Lang Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Do con chung Cháu Phạm Quang H, sinh năm 2000 và cháu Phạm Quang H1, sinh năm 2003 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ bao gồm: Sổ hộ khẩu, căn cước công dân, giấy khai sinh (Tất cả là bản sao y chứng thực). Đây là các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn ông Phạm Văn C khởi kiện bà Lang Thị T về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn C và bà Lang Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*” và theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Luật này*”.

Trong quá trình chung sống từ năm 2000 đến nay, ông Phạm Văn C và bà Lang Thị T không đi đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc ông C và bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay mà không có đăng ký kết hôn với nhau thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, HĐXX có căn cứ tuyên bố không công nhận ông Phạm Văn C và bà Lang Thị T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cháu Phạm Quang H, sinh năm 2000 và cháu Phạm Quang H1, sinh năm 2003, đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp con đã thành niên bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên HĐXX không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 246; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn C.

*Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận ông Phạm Văn C và bà Lang Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Phạm Quang H, sinh năm 2000 và cháu Phạm Quang H1, sinh năm 2003, đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp con đã thành niên bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên HĐXX không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

*Về án phí:* Ông Phạm Văn C phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà ông C đã nộp theo biên lai số 0003417 ngày 02/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

*Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THA huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký và đóng dấu)**

**Nguyễn Thị Hải Âu**